

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/DS-ST
Ngày: 16-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Phan Văn Thật.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc V**, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp TT, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Bé N**, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp TT, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc V trình bày: Ngày 25-8-2016 âm lịch, bà Võ Thị Bé N có vay của chị 31.000.000 đồng để đi mua bán Sầu Riêng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đồng/31.000.000đồng/tháng và hẹn đến ngày 25-11-2016 âm lịch sẽ trả lại tiền vốn, lãi cho chị. Bà N là người trực tiếp nhận tiền tại nhà chị. Từ khi vay đến nay, bà N chỉ trả cho chị được 02 lần tiền lãi, tổng cộng là 700.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu bà N trả lại tiền cho chị nhưng bà N không thực hiện mà hứa hẹn nhiều lần.

Đến ngày 10-5-2017 âm lịch, bà N tham gia dây hội 2.000.000 đồng do chị

làm chủ thảo, mỗi tháng khai 01 lần, có 14 người tham gia, bà N hót kỳ đầu, chị đã giao đủ tiền hui cho bà N tổng cộng là 18.500.000 đồng (sau khi đã trừ 1.000.000 đồng tiền đầu thảo). Bà N phải có trách nhiệm đóng lại cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền hui chết. Tuy nhiên, từ khi hót hui đến khi mãn hui bà N không đóng lại cho chị nên hàng tháng chị phải đóng thay cho bà N 13 kỳ hui còn lại, mỗi tháng 2.000.000 đồng là 26.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu bà N phải trả cho chị 26.000.000 đồng đã đóng hui thay cho bà N.

Nay chị yêu cầu bà Võ Thị Bé N phải trả lại cho chị số tiền vay 30.300.000 đồng (Sau khi đã trừ 700.000 đồng tiền lãi bà N đã trả cho chị) và tiền hui là 26.000.000 đồng. Chị yêu cầu bà Bé N phải trả cho chị tổng cộng 56.300.000 đồng. Chị đồng ý cho bà Bé N trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nếu bà N vi phạm bất kỳ kỳ nào thì chị được quyền yêu cầu trả số nợ còn lại làm 01 lần.

Bị đơn, bà Võ Thị Bé N: Dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà N phải trả số tiền 56.300.000 đồng, trong đó gồm 30.300.000 đồng tiền vay và 26.000.000 đồng tiền nợ hui, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, chị cho bà N được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, và nếu bà N vi phạm ở bất kỳ kỳ trả nợ nào thì phải trả số tiền còn lại cho chị làm một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc V khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Bé N phải trả cho chị số tiền 30.300.000 đồng tiền vay và 26.000.000 đồng tiền nợ hui được xác lập giữa các bên, nên căn cứ vào Điều 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”. Bị đơn cư trú tại ấp TT, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Võ Thị Bé N không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Ngọc V khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Bé N phải trả số tiền vay 31.000.000 đồng theo giấy vay tiền được lập giữa hai bên. Theo nội dung giấy vay tiền thể hiện số tiền vay là 31.000.000 đồng, ngày vay là ngày 25-8-2016 và hạn trả là ngày 25-11-2016, không có thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra, chị V còn yêu cầu bà N trả khoản tiền nợ hui 26.000.000 đồng, chị V có xuất trình tờ giấy nhận tiền hui, có chữ ký của bà N. Theo nội dung giấy nhận hui thể hiện, bà N có tham gia hui hui 2.000.000 đồng và hót kỳ đầu tiên khui ngày 10-5-2017 (theo chị V là ngày âm lịch), đã nhận đủ tiền hui và phải đóng lại hui chót 13 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng đóng 2.000.000 đồng. Phía bà N không cung cấp chứng cứ thể hiện đã trả nợ vay, nợ hui cho chị V và không có ý kiến gì đối với nội dung giấy nhận tiền vay, tiền hui cũng như yêu cầu khởi kiện của chị V là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N phải trả cho chị V số tiền 31.000.000 đồng tiền vay và 26.000.000 đồng tiền nợ hui. Phía chị V thừa nhận có nhận 700.000 đồng tiền lãi đối với số tiền vay và đồng ý trừ vào tiền vốn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bà N chỉ phải trả số tiền vay 30.300.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà N phải cho chị V là 56.300.000 đồng. Chị V cho bà N được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số nợ nhưng có điều kiện nếu bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ kỳ nào thì chị V có quyền yêu cầu bà N trả hết số nợ còn lại làm một lần. Xét sự tự nguyện cho bà N được trả nợ dần là có lợi cho bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị V.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị V không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị V. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc V.

Buộc bà Võ Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc V số tiền 56.300.000 (Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn) đồng. Trả dần mỗi tháng

1.000.000 (Một triệu) đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số tiền 56.300.000 đồng.

Nếu bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ kỳ nào thì chị V có quyền yêu cầu bà N phải trả hết số nợ còn lại làm một lần

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Bé N phải chịu 2.815.000 (Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 1.425.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16853 ngày 01-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của bà Võ Thị Bé N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực